

# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tuần 3 tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới giảm, giá cà phê Arabica tăng.
- ▶ Trong tuần thứ 3 của tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trong nước tăng so với tuần trước đó.
- ▶ Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/02/2020, xuất khẩu cà phê tăng 10,1% về lượng so với cùng kỳ năm 2019.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức năm 2019 tăng.

## THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

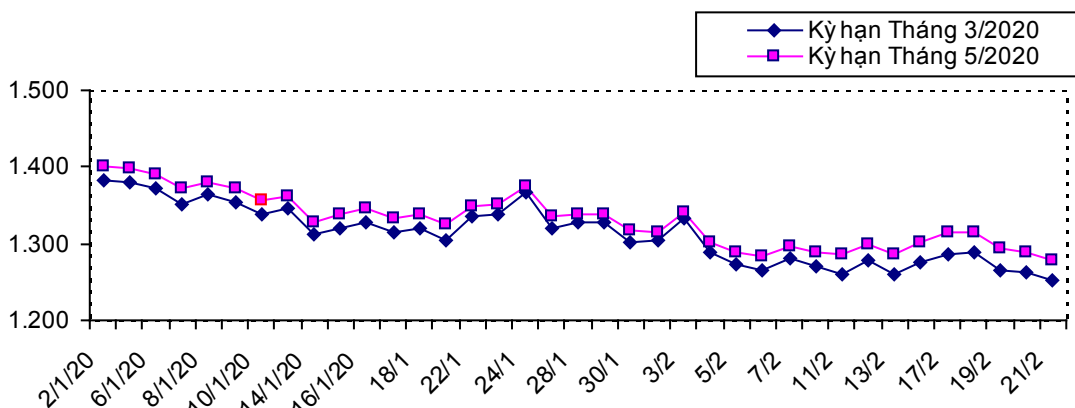
Trong tuần thứ 3 tháng 02/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên thị trường thế giới giảm so với tuần trước đó, trong khi giá cà phê Arabica tăng. Cụ thể:

+ Trên sàn giao dịch London, ngày

24/02/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0,9% so với ngày 14/02/2020, xuống 1.265 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 5/2020 giao dịch ở mức 1.296 USD/tấn, giảm 0,4% so với ngày 14/02/2020.

### Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn năm 2020

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 24/02/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ

hạn tháng 3/2020 tăng 4,2% so với ngày 14/02/2020, lên mức 108,85 Uscent/lb;

kỳ hạn giao tháng 5/2020 tăng 3,3% so với ngày 14/02/2020, giao dịch ở mức 110,25 Uscent/lb.

+ Trên sàn giao dịch BFM của Bra-xin, ngày 24/02/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5 và tháng 7/2020 tăng lần lượt 4,5% và 2,5% so với ngày 14/02/2020, lên mức 125,8 Uscent/lb và 124,5 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 9/2020 tăng 2,2% so với ngày 14/02/2020, lên mức 133 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức 1.376 USD/tấn, cộng 80 USD/tấn, giảm 0,4% so với ngày 14/02/2020.

Thời tiết ở Bra-xin đang diễn biến thuận lợi, hoạt động bán mạnh tiếp tục diễn ra ở Bra-xin do đồng real giảm xuống mức thấp kỷ lục so với đồng USD và mối lo suy giảm kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến giá cà phê giảm.

Theo báo cáo của Hội đồng Các nhà xuất khẩu Cà phê Bra-xin (Cecafé), tháng 01/2020, xuất khẩu cà phê của nước này đạt 3,2 triệu bao, trị giá 438,14 triệu USD,

giảm 5,6% về lượng so với tháng 01/2019. Trong đó, cà phê Arabica chiếm 83,2% tổng trị giá xuất khẩu; cà phê hòa tan chiếm 9,8%, tăng 29,8% so với tháng 01/2019; cà phê Robusta chiếm 6,9%, tăng 48,6% so với tháng 01/2019. Xuất khẩu cà phê đặc sản (loại cà phê có chất lượng cao hơn hoặc được chứng nhận bền vững) của Bra-xin tháng 01/2020 đạt 628.900 bao, trị giá 108,2 triệu USD, chiếm 19,5% về lượng và 24,7% về trị giá trong tổng xuất khẩu cà phê của Bra-xin; Giá xuất khẩu bình quân cà phê đặc sản của Bra-xin đạt mức 172,09 USD/bao (khoảng 2,87 USD/kg).

Tại khu vực châu Á, giao dịch cà phê diễn ra khá trầm lắng khi người trồng cà phê Việt Nam không muốn bán ra do giá thấp, trong khi thị trường In-đô-nê-xi-a chờ đợi cà phê niên vụ mới. Vụ thu hoạch cà phê Robusta chính tại Sumatra, In-đô-nê-xi-a thường vào gần giữa năm, nhưng một số khu vực thường có các vụ nhỏ vài tháng trước đó.

Tại châu Phi, hàng ngàn ha cà phê của khu vực châu Phi đang phải đối mặt với nguy cơ bị phá hủy do sâu bệnh và thời tiết bất thường.



## THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC: GIAO DỊCH ĐIỂN RA TRẦM LẶNG DO GIÁ Ở MỨC THẤP

Việc thu mua cà phê trong nước gặp khó khăn do giá giảm, người trồng không muốn bán ra với giá thấp như hiện nay. Trong khi đó, tại tỉnh Lâm Đồng, thời tiết không thuận lợi đã gây thiệt hại lớn, nhất là đối với cà phê Arabica. Theo ước tính khoảng 150 ha trong tổng số 500 ha cà phê của xã Đạ Sar và 300 ha cà phê của xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng bị thiệt hại nghiêm trọng do sương muối.

Tại Tây Nguyên, vụ mùa 2019/20 đối mặt với tình trạng hạn hán, dẫn đến sản lượng giảm. Mùa khô tại Tây Nguyên kéo dài dẫn đến nước tưới cho diện tích cây cà phê ngày càng khan hiếm, việc áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tưới

tiết kiệm nước được xem là yêu cầu cấp bách để duy trì phát triển ngành nông nghiệp bền vững, nhất là với các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cây cà phê.

Giá cà phê Robusta trong nước trong tuần thứ 3 tháng 02/2020 tăng. Ngày 24/02/2020, giá cà phê Robusta trong nước tăng từ 0,6% - 1,3% so với ngày 14/02/2020, ở mức thấp nhất là 31.100 đồng/kg ở huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng; mức cao nhất là 31.700 đồng/kg tại huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Lắk. Tại các kho quanh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta loại R1 tăng 1,2% so với ngày 14/02/2020, giao dịch ở mức 33.000 đồng/kg.

### Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 24/02/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 14/02/2020 (%)	So với ngày 24/01/2020 (%)
<b>Tỉnh Lâm Đồng</b>			
Lâm Hà (Robusta)	31.200	1,3	-2,2
Bảo Lộc (Robusta)	31.200	1,3	-2,5
Di Linh (Robusta)	31.100	1,3	-2,5
<b>Tỉnh Đắk Lắk</b>			
Cư M'gar (Robusta)	31.700	1,3	-2,8
Ea H'leo (Robusta)	31.500	1,0	-2,8
Buôn Hồ (Robusta)	31.400	0,6	-2,8
<b>Tỉnh Gia Lai</b>			
Pleiku (Robusta)	31.400	1,3	-2,8
Chư Prông (Robusta)	31.300	1,3	-2,8
<b>Tỉnh Đắk Nông</b>			
Gia Nghĩa (Robusta)	31.400	1,3	-2,8
Đắk R'lấp (Robusta)	31.300	1,3	-2,8
<b>Tỉnh Kon Tum</b>			
Đắk Hà (Robusta)	31.300	1,3	-3,7
<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>			
R1	33.000	1,2	-2,7

Nguồn: Tintaynguyen.com

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG 15 NGÀY ĐẦU THÁNG 02/2020 TĂNG

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê trong 15 ngày đầu tháng 02/2020 đạt 88,3 nghìn tấn, trị giá 147,73 triệu USD, tăng 8,7% về lượng và tăng 3,8% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 01/2020, tăng 236,7% về lượng và tăng 221% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 02/2019. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15 tháng 02/2020, xuất khẩu cà phê đạt 233,3 nghìn tấn, trị giá 394,1 triệu USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 5,6% về trị giá

so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê trong 15 ngày đầu tháng 02/2020 đạt mức 1.672 USD/tấn, giảm 4,5% so với 15 ngày đầu tháng 01/2020 và giảm 4,7% so với 15 ngày đầu tháng 02/2019. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/02/2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt mức 1.689 USD/tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2019.

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ĐỨC NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu của Eurostat, nhập khẩu cà phê của Đức năm 2019 đạt 2,203 triệu tấn, trị giá 4,524 tỷ EUR (tương đương 4,9 tỷ USD), giảm 39,2% về lượng và giảm 48,7% về trị giá so với năm 2018.

Năm 2019, Đức giảm nhập khẩu cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) và cà phê rang, khử caffein (mã HS 090122), trong khi tăng nhập khẩu cà phê rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) và cà phê chưa rang, khử caffein (mã HS 090112).

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức năm 2019 đạt mức 2.224 USD/tấn, giảm 15,7% so với năm 2018. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ Bra-xin đạt mức 2.043 USD/tấn; Việt Nam đạt mức 1.558 USD/tấn; Hon-đu-rát đạt mức 2.400 USD/tấn. Đáng chú ý, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Đức từ Cô-lôm-bi-a, Pê-ru và Ê-ti-ô-pi-a tăng lần lượt 0,4%, 10% và 1,4%, lên mức 2.947 USD/tấn, 2.979 USD/tấn và 2.668 USD/tấn.

### 10 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Đức năm 2019 (Mã HS 0901)

Thị trường	Năm 2019				So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn EUR)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
<b>Tổng</b>	<b>2.203.663</b>	<b>4.524.266</b>	<b>4.901.046</b>	<b>2.224</b>	<b>-39,2</b>	<b>-48,7</b>	<b>-15,7</b>
Bra-xin	375.736	708.622	767.636	2.043	10,3	1,5	-8,0
Việt Nam	245.130	352.636	382.004	1.558	-11,2	-17,9	-7,5
Hon-đu-rát	103.057	228.306	247.320	2.400	1,3	-8,1	-9,2
Cô-lôm-bi-a	61.317	166.827	180.721	2.947	-1,0	-0,6	0,4
Pê-ru	50.642	139.285	150.885	2.979	-12,1	-3,3	10,0
Ê-ti-ô-pi-a	44.980	110.798	120.026	2.668	-5,2	-3,9	1,4
U-gan-đa	39.424	65.926	71.417	1.812	-18,3	-21,1	-3,5

Thị trường	Năm 2019				So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn EUR)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Ấn Độ	34.000	69.640	75.440	2.219	6,4	4,8	-1,5
In-đô-nê-xi-a	19.955	48.925	52.999	2.656	38,8	20,8	-12,9
Trung Quốc	18.691	36.421	39.454	2.111	-26,8	-32,6	-7,9
Thị trường khác	1.210.731	2.596.878	2.813.146	2.324	-53,7	-61,7	-17,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan thống kê Eurostat

(tỷ giá 1 EUR = 1,08328 USD)

Năm 2019, Đức giảm nhập khẩu cà phê từ các nguồn cung như: Việt Nam, Cô-lôm-bi-a, Pê-ru, Ê-ti-ô-pi-a, U-gan-đa, Trung Quốc, nhưng tăng nhập khẩu từ các thị trường như: Bra-xin, Hon-đu-rát, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ. Cụ thể như sau:

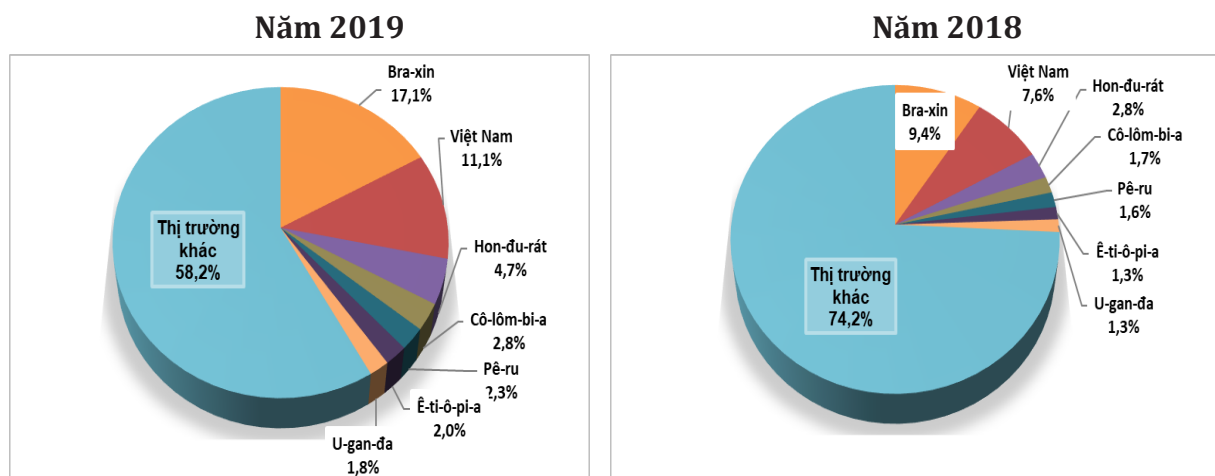
Bra-xin là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Đức trong năm 2019, đạt 375,7 nghìn tấn, trị giá 708,62 triệu EUR (tương đương 654,14 triệu USD), tăng 10,3% về lượng và tăng 1,5% về trị giá so với năm 2018. Thị phần cà phê Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 9,4% trong năm 2018,

lên 17,1% trong năm 2019.

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ 2 cho Đức trong năm 2019, đạt 245,1 nghìn tấn, trị giá 352,63 triệu USD, giảm 11,2% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với năm 2018. Tuy nhiên, do mức giảm nhập khẩu từ Việt Nam thấp hơn so mức giảm nhập khẩu của Đức nên thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức vẫn tăng. Theo đó, thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 7,6% trong năm 2018, lên 11,1% trong năm 2019.

### Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Đức

(Tỷ trọng tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan thống kê Eurostat